

Số: 399 /CV-TTYT
V/v mời chào giá Mua sắm vật tư, hóa
chất đông máu phục vụ chuyên môn năm
2024-2025

Quế Võ, ngày 26 tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá hàng hóa, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Mua sắm vật tư, hóa chất đông máu phục vụ chuyên môn năm 2024-2025 của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ để phục vụ hoạt động chuyên môn với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá

- Tên chủ đầu tư: Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ.
- Địa chỉ: Khu phố Đình, Phường Phố Mới, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

2. Thông tin liên hệ

- Họ tên: Trần Thị Hồng.
- Chức vụ: Nhân viên Khoa Dược-VT-TBYT.
- Số điện thoại: 0976169919.
- Địa chỉ email: linhhonghiep1991@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Báo giá được gửi bằng một trong hai hình thức sau đây:
 - + Nhận trực tiếp bản cứng (có chữ ký, đóng dấu đỏ) tại địa chỉ: Khoa Dược-VT-TBYT, Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ. Địa chỉ: phường Phố Mới, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.
 - + Hoặc nhận bản scan PDF (có chữ ký, đóng dấu đỏ và file word hoặc excel) tại địa chỉ Email: duoc.ttytquevo@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 26/7/2024 đến trước 16 giờ 00 phút ngày 05/8/2024.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05/8/2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế; vật tư, hóa chất, sinh phẩm (gọi chung là hàng hóa).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa:

- Giao hàng hóa tại kho vật tư, Khoa Dược-VT-TBYT, Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, Khu phố Đình, Phường Phố Mới, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.

- Trong vòng 48 giờ kể từ ngày nhận được yêu cầu (bằng fax, email hoặc điện thoại...) từ Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, trong vòng 24 giờ đối với trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu giao hàng gấp, cấp cứu để đảm bảo tính liên tục của hàng hóa sau khi hàng hóa được đưa vào sử dụng

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng (365 ngày) kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không tạm ứng

- Thanh toán theo từng đợt giao hàng, thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ ngày hoàn tất các thủ tục thanh toán (hóa đơn, biên bản bàn giao, chứng từ liên quan theo quy định).

- Đồng tiền thanh toán theo Hợp đồng: là đồng Việt Nam.

5. Các thông tin khác (nếu có):

- Chất lượng hàng hóa mới 100%

- Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí, dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu. Bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp phải chào đầy đủ các danh mục hàng hóa tại công văn yêu cầu báo giá. Nếu báo giá chào thiếu một hoặc nhiều danh mục thì sẽ được đánh giá là không hợp lệ.

- Đề nghị các nhà cung cấp tại Việt Nam báo giá theo **Mẫu báo giá** đơn vị đính kèm.

Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Công TTĐT UBND tỉnh Bắc Ninh (đăng tải)
- Trung tâm KSBT tỉnh Bắc Ninh (đăng tải)
- Lưu:VT, HSĐT.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Đức Huy

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 399/CV-TTYY ngày 26/7/2024 của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Đặc tính, quy cách, thông số kỹ thuật	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng/ Khối lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Hàng hóa A										
2	Hàng hóa B										
3										
Tổng cộng:											

(Gửi kèm theo một trong các tài liệu sau: Tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật; các quyết định trúng thầu; hợp đồng tương tự hoặc các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có))

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 90 ngày kể từ ngày 05/8/2024.

3. Báo giá đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)...và các khoản chi phí, dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu. Bên mua không phải trả thêm bất kỳ khoản chi phí nào khác.

4. Chúng tôi cam kết:

- Chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và đảm bảo việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC DANH MỤC

(Kèm theo Công văn số 399 /CV-TTYY ngày 26/7/2024 của Trung tâm Y tế thị xã Quế Võ)

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hóa chất đo thời gian đông máu nội sinh APTT	Dùng trong chẩn đoán in vitro, để xác định định lượng Activated Partial Thromboplastin Time (APTT) trong huyết thanh người Thành phần chính: R1: Ellagic Acid 0.3% , BSA 0.1% , 0.2% Sodium Azide, Buffer 3% ; R2: CaCl ₂ 0.025 M Quy cách đóng gói: R1: 5x5ml; R2: 5x5ml	Hộp	15	
2	Hoá chất đo thời gian đông máu ngoại sinh Prothrombin PT	Thuốc thử PT: Thời gian prothrombin (PTR) = thời gian đông máu của huyết tương thử nghiệm/thời gian đông máu của huyết tương đối chứng. Các giá trị tham khảo: PTR: 1,0 ± 0,15; INR: 0,8-1,24 Thành phần chính: Recombinant hTF, BSA 0.5% CaCl ₂ 0.025 M, Buffers 3%, 0.2% Sodium Azide, Stabilizers. Quy cách đóng gói: Hộp 10x5ml	Hộp	20	
3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB (NCP)	Vật liệu kiểm soát NCP Thành phần chính: Huyết tương người Chất chống đông máu natri citrat <0.4% Quy cách đóng gói: Hộp 10x1ml	Hộp	4	
4	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT,	Vật liệu kiểm soát aNCP Thành phần chính: Huyết tương người Chất chống đông máu natri citrat <0.4%	Hộp	1	

STT	Danh mục hàng hóa	Đặc tính, quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	APTT, TT, FIB (aNCP)	Quy cách đóng gói: Hộp 10x1ml			
5	Cóng phản ứng đông máu	Cóng đựng mẫu bệnh phẩm Kích thước: 6mmx25mm Dung tích: 500µl Màu sắc: Trong suốt Loại nhựa: PS Lưu trữ: 4-30°C Quy cách đóng gói: 2000 chiếc/túi	Túi	5	
6	Thuốc thử định lượng TT	Thuốc thử TT Hoạt động của TT: 10 IU/ml Phạm vi tham chiếu cho chỉ số bình thường: 8-14 giây Thành phần chính: Bovine Thrombin (Approximately 10 NIH Units/ml), BSA 0.5%, pH 7.2±0.2 Buffers 3%, 0.2% Sodium Azide, Stabilizers. Quy cách đóng gói: Hộp 10x5ml	Hộp	2	